TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH H** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số: 131/2018/QĐST – HNGĐ.	*Mỹ Hào, ngày 26 tháng 12 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 115 /2018 /TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Đức Th – SN: 1980

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị U - SN: 1981

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1-Cháu Vũ Quang H sinh ngày 17/6/2002

2-Cháu Vũ Đức Th sinh ngày 23/02/2012

Người đại diện theo pháp luật cho cháu H: Anh Vũ Đức Th – SN: 1980

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Th: Chị Nguyễn Thị U - SN: 1981

Đều địa chỉ: Thôn Y – xã P – huyện M – tỉnh H

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Vũ Đức Th – SN: 1980

Chị Nguyễn Thị U - SN: 1981

Đều địa chỉ: Thôn Y – xã P – huyện M – tỉnh H

2/- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đức Th và chị Nguyễn Thị U thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị xác nhận vợ chồng sinh được 02 con chung Vũ Quang H sinh ngày 17/6/2002 và Vũ Đức Th sinh ngày 23/02/2012 . Anh chị thỏa thuận giao cháu H cho anh Th nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu thành niên, giao cháu Th cho chị U nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Anh Th là người đại diện theo pháp luật cho cháu H, chị U là người đại diện theo pháp luật cho cháu Th.

Anh Th và chị U được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản, nợ, **công sức, ruộng nông nghiệp**: Anh Th và chị U tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Th tự nguyện chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu số 013384 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Trả lại anh Th số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)*. Anh Th đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

3/- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự.
- VKSND huyện M
- Chi cục T.H.A DS huyện M
- UBND xã P
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Nguyễn Nam Thắng